

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 31/7/2023.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN - TỈNH BẮC NINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khánh Uẩn.

Ông Nguyễn Đăng Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Anh Thơ - Thư ký TAND TP.Từ Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tại trụ sở TAND thành phố Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST- HNGĐ ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đình B, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Chu Thanh T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 32, Khu phố Yên L, phường Tân H, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Tôi (N) kết hôn với anh Chu Thanh T, năm 2009 trước khi kết hôn cả hai bên được tự do tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) theo quy định của pháp luật. Quá trình chung

sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc sau dần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân. Cuối năm 2019 vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho tới nay. Nay tôi (N) xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn giải quyết cho tôi được ly hôn anh Chu Thanh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N xác nhận quá trình chung sống đến nay vợ chồng có hai con chung là: Chu Duy K, sinh ngày 01 tháng 03 năm 2010 và Chu Quang T1, sinh ngày 08 tháng 09 năm 2012. Hiện hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn đi lại cả hai bên. Sau khi ly hôn tôi (N) có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng tôi không yêu cầu. Còn nếu các cháu có nguyện vọng ở với bố cháu tôi cũng tôn trọng ý kiến của các cháu. Hiện nay tôi có cửa hàng bán quần áo tại chợ Ninh Hiệp mức thu nhập khoảng 15 triệu đến 20 triệu đồng/tháng và ở tại nhà mẹ đẻ tôi tại Khu phố Trầm, phố Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cuộc sống ổn định đủ điều kiện để nuôi dạy con chung. Còn chồng tôi làm nghề xây dựng sơn nhà cửa thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Hiện tại chồng tôi sống cùng bố mẹ chồng tại số nhà 32, khu phố Yên Lã, phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Về tài sản chung, riêng: Chị Nguyễn Thị N xác nhận là trong thời gian vợ chồng chung sống vợ chồng không có tài sản chung, riêng gì nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Nguyễn Thị N xác nhận vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Khi ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về công sức lao động và ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị N xác nhận là không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Chu Thanh T; tuy nhiên anh T đã nhận các văn bản nhưng anh T không đến Tòa để làm việc. Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2023 tại gia đình anh T. Anh T xác nhận thời gian đăng ký kết hôn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng nay chị N xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Chu Duy K, sinh ngày 01 tháng 03 năm 2010 và Chu Quang T1, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2012 khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, về tài

sản chung, công nợ khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Chu Thanh T đều vắng mặt.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Chu Thanh T và nuôi con chung khi ly hôn.

Tại phiên toà anh T được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 232, 235, 262, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Chu Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Chu Duy K, sinh ngày 01 tháng 03 năm 2010 cho anh Chu Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Chu Quang T1, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Anh T, chị N được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phía bị đơn anh

Chu Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Chu Thanh T ngày 18 tháng 02 năm 2009, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hồng, thị xã Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N; Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên to tiếng, đã nhiều lần anh chị đã sống ly thân sau đó được gia đình khuyên bảo anh chị lại về đoàn tụ tuy nhiên quá trình về đoàn tụ vợ chồng vẫn thường xuyên xả ra mâu thuẫn. Cuối năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho tới nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến giao các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, điều này thể hiện anh T không có thiện chí muốn đoàn tụ vợ chồng mà chỉ nhằm gây khó khăn cho chị N, tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 06/6/2023 giữa đại diện Tòa án với anh T bản thân anh T xác nhận về quan hệ vợ chồng có mâu thuẫn nay chị N có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí. Tòa án đã có biên bản làm việc với gia đình anh T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị N đã trầm trọng vợ chồng đã ly thân nay khả năng đoàn tụ không còn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt; Xét thấy lời đề nghị của chị N xin được ly hôn anh T là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Chu Thanh T là phù hợp.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng có 02 con chung là Chu Duy K, sinh ngày 01/03/2010 và Chu Quang T1, sinh ngày 08/09/2012. Hiện hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị N và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của chị N, anh T thì thấy: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu K và cháu T1 vẫn đi lại cả bố và mẹ; nay cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và đều khẳng định đảm bảo được cuộc sống cho các cháu về mọi mặt; Tuy nhiên tại văn bản trình bày nguyện vọng của các cháu có xác nhận của chị N thì cháu K có nguyện vọng ở với bố và

cháu T1 có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ các cháu ly hôn. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, anh T và nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp cần được chấp nhận; do vậy cần giao con chung là Chu Duy K, sinh ngày 01/03/2010 cho anh Chu Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là Chu Quang T1, sinh ngày 08/ 9/2012 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T, chị N được quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

Về tài sản, công nợ, Công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị N và anh Chu Thanh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Chu Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Chu Duy K, sinh ngày 01 tháng 03 năm 2010 cho anh Chu Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Chu Quang T1, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Anh T, chị N được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác tại địa phương: Đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (xác nhận chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2022/ 000463 ngày 04/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết kết quả bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Từ Sơn;
- THA TP. Từ Sơn;
- UBNDP. Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn